

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
HÙNG VƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hùng Vương (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Hùng Vương được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Giấy phép Thành lập và hoạt động thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 07 năm 2009, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà Nguyễn Thị Hường sang Ông Trương Hải Hưng.
 - Giấy phép Thành lập và hoạt động thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 11 năm 2009, chuẩn y việc thay đổi địa điểm trụ sở chính từ 170-172-172E Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM sang Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
 - Giấy phép Thành lập và hoạt động thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 06 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Trương Hải Hưng sang Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.
- **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND
 - **Vốn điều lệ** : 50.200.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|------------------|-----------------------|----------------|
| Ông Tong Chin Hen | 2.284.800 | 22.848.000.000 | 45,51% |
| Ông Nguyễn Thanh Tài | 770.000 | 7.700.000.000 | 15,34% |
| Ông Trần Duy Quang | 711.000 | 7.110.000.000 | 14,16% |
| Bà Trần Thị Kim Thy | 700.800 | 7.008.000.000 | 13,96% |
| Nguyễn Nhật Minh Triều | 348.400 | 3.484.000.000 | 6,94% |
| Ông Ngu Chie Kieng | 175.000 | 1.750.000.000 | 3,49% |
| Ông Trần Kim Điệp | 30.000 | 300.000.000 | 0,60% |
| Cộng | 5.020.000 | 50.200.000.000 | 100,00% |

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 – 08) 62915358
Fax : (84 – 08) 62915359
Mã số thuế : 0 3 0 6 3 5 3 7 0 0

- **Ngành, nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Tong Chin Hen | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thanh Tài | Phó Chủ tịch |
| Ông Ngu Chie Kieng | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Trần Duy Quang | Trưởng ban |
| Ông Đoàn Lê Duy Uyên | Thành viên |
| Bà Diệc Lệ Bình | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Hương | Kế toán trưởng |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 28).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH – Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Số: 0047/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH****CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương được lập ngày 20 tháng 01 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013



VÕ THỊ THU HƯỜNG - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 31.509.387.381 | 28.188.132.872 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 27.954.716.526 | 18.338.771.738 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.554.716.526 | 1.838.771.738 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 24.400.000.000 | 16.500.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | - | 7.973.967.420 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | 8.024.636.435 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | (50.669.015) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.452.837.360 | 1.765.304.548 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 3.216.362.361 | 1.652.760.861 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | - | - |
| 3. Các khoản phải thu khác | 133 | V.4 | 236.474.999 | 112.543.687 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 101.833.495 | 110.089.166 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.5 | 64.711.140 | 47.879.385 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.122.355 | 2.709.781 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.6 | 32.000.000 | 59.500.000 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.466.367.082 | 3.951.526.650 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.910.694.688 | 3.271.734.472 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 1.277.863.820 | 2.186.548.700 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 4.591.959.346 | 4.581.504.801 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (3.314.095.526) | (2.394.956.101) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 632.830.868 | 1.085.185.772 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 2.248.441.182 | 2.248.441.182 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.615.610.314) | (1.163.255.410) |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 555.672.394 | 679.792.178 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 28.731.297 | 202.897.217 |
| 2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | V.10 | 270.448.297 | 220.402.161 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.11 | 256.492.800 | 256.492.800 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 33.975.754.463 | 32.139.659.522 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 5.641.044.077 | 1.618.649.828 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.641.044.077 | 1.618.649.828 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.12 | 1.995.000.000 | - |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.13 | 22.994.134 | 19.689.804 |
| 3. Chi phí phải trả | 316 | V.14 | 80.168.420 | 69.408.557 |
| 4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 3.542.881.523 | 1.513.477.057 |
| 5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | - | 16.074.410 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 28.334.710.386 | 30.521.009.694 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 28.334.710.386 | 30.521.009.694 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 50.200.000.000 | 50.200.000.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) | 420 | | (21.865.289.614) | (19.678.990.306) |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 33.975.754.463 | 32.139.659.522 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------|-------------|----------------|------------------|
| | | | | |
| Chứng khoán lưu ký | 006 | | 54.181.370.000 | 43.296.220.000 |
| Trong đó: | | | | |
| Chứng khoán giao dịch | 007 | | 46.287.980.000 | 41.131.620.000 |
| <i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i> | 009 | | 46.287.980.000 | 41.131.620.000 |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 012 | | 360.000.000 | 360.000.000 |
| <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký</i> | 013 | | 360.000.000 | 360.000.000 |
| Chứng khoán chờ thanh toán | 027 | | 7.533.300.000 | 1.723.900.000 |
| <i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i> | 029 | | 7.533.300.000 | 1.723.900.000,00 |
| Chứng khoán chờ giao dịch | 037 | | 90.000 | 80.700.000 |
| <i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i> | 039 | | 90.000 | 80.700.000 |

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2013

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền (VND) | |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 Doanh thu | 01 | VI.1 | 5.283.695.521 | 3.289.272.470 |
| Trong đó: | | | | |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 1.270.234.716 | 685.435.969 |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | - | 8.515.910 |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | - | 81.818.182 |
| - Doanh thu khác | 01.9 | | 4.013.460.805 | 2.513.502.409 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 5.283.695.521 | 3.289.272.470 |
| 4 Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | VI.2 | 2.102.381.895 | 2.092.058.105 |
| 5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | 20 | | 3.181.313.626 | 1.197.214.365 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.3 | 5.484.424.690 | 6.995.634.015 |
| 10 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (2.303.111.064) | (5.798.419.650) |
| 11 Thu nhập khác | 31 | VI.4 | 116.811.756 | 110.983.719 |
| 12 Chi phí khác | 32 | | - | 3.545.919 |
| 13 Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | | 116.811.756 | 107.437.800 |
| 14 Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế | 50 | | (2.186.299.308) | (5.690.981.850) |
| 15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 16 Thu nhập/ (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17 Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (2.186.299.308) | (5.690.981.850) |
| 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.5 | (436) | (1.607) |

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc



LÊ THỊ HƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU

Mã số

Thuyết minh

Năm nay

Năm trước

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế

01

(2.186.299.308)

(5.690.981.850)

Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định

02

1.371.494.329

1.354.372.102

- Các khoản dự phòng

03

-

(89.050.178)

- Lãi từ hoạt động đầu tư

05

(2.862.239.138)

- Chi phí lãi vay

06

49.105.279

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

08

(3.627.938.838)

(4.425.659.926)

- (Tăng)/giảm các khoản phải thu

09

VII.1, 2

(1.712.491.522)

974.195.147

- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

11

2.027.394.249

(1.236.138.989)

- (Tăng)/giảm chi phí trả trước

12

157.334.165

1.490.747.380

- Tiền lãi vay đã trả

13

(49.105.279)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20

(3.204.807.225)

(3.196.856.388)

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

21

(10.454.545)

(120.646.100)

- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

23

(3.500.000.000)

- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

24

11.545.386.915

3.499.094.453

- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức

27

VII.1, 2

2.790.819.643

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30

10.825.752.013

3.378.448.353

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu

31

-

14.994.500.000

- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

33

42.186.400.000

- Tiền chi trả nợ gốc vay

34

(40.191.400.000)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40

1.995.000.000

14.994.500.000

Lưu chuyển tiền thuần trong năm

50

9.615.944.788

15.176.091.965

Tiền và tương đương tiền đầu năm

60

18.338.771.738

3.162.679.773

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

61

-

Tiền và tương đương tiền cuối năm

70

V.1

27.954.716.526

18.338.771.738

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

Tổng Giám đốc

LÊ THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hùng Vương (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 21 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 4 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán", Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp", Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008", các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 05 |
| Thiết bị văn phòng | 05 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trang trí nội thất và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất văn phòng phát sinh khi Công ty di dời địa điểm kinh doanh chuyển sang trụ sở mới từ cuối năm 2009 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí tối ưu hệ thống Oracle 9i, phần mềm chứng thực, chi phí Source code và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu môi giới mua và bán chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu quyền nhận tiền bán chứng khoán được ghi nhận tại ngày nhận tiền bán chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong năm.

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | - | - |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.554.716.526 | 1.838.771.738 |
| Tiền gửi ngân hàng của Công ty | 28.935.122 | 876.782.713 |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư | 3.525.781.404 | 961.989.025 |
| Tương đương tiền | 24.400.000.000 | 16.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Phương Nam | 24.400.000.000 | 16.500.000.000 |
| Cộng | 27.954.716.526 | 18.338.771.738 |

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Nam với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: lãi suất 14%/năm).

2. Đầu tư ngắn hạn

| | | |
|--|----------|----------------------|
| Đầu tư ngắn hạn khác | - | 8.024.636.435 |
| Đầu tư hợp tác kinh doanh chứng khoán | - | 124.636.435 |
| Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng | - | 7.900.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | - | (50.669.015) |
| Cộng | - | 7.973.967.420 |

3. Phải thu khách hàng

| | | |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Mai Ngọc Quan | 711.675.621 | - |
| Nguyễn Thụy Phong Lan | 101.106.084 | - |
| Phạm Quốc Thụy | 377.153.284 | - |
| Nguyễn Hồng Sơn | 360.953.824 | - |
| Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 357.122.678 | - |
| Nguyễn Thị Hằng Nga | 146.034.252 | 66.783.123 |
| Võ Hồng Thái | 222.162.856 | - |
| Ngô Thanh Kim | - | 103.736.880 |
| Đông Như Quý | - | 119.546.092 |
| Nguyễn Thị Tuyết Mai | 486.955.770 | 1.257.072.190 |
| Khách hàng khác | 453.197.992 | 105.622.576 |
| Cộng | 3.216.362.361 | 1.652.760.861 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi dự thu | 225.974.999 | 112.543.687 |
| Phải thu khác | 10.500.000 | - |
| Cộng | <u>236.474.999</u> | <u>112.543.687</u> |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------|--------------------------|-----------------------------|---|--------------------------|
| Chi phí thuê văn phòng | - | 1.185.134.400 | 1.185.134.400 | - |
| Chi phí thuê kho | - | 18.000.000 | 18.000.000 | - |
| Chi phí khác | 47.879.385 | 660.482.719 | 643.650.964 | 64.711.140 |
| Cộng | <u>47.879.385</u> | <u>1.863.617.119</u> | <u>1.846.785.364</u> | <u>64.711.140</u> |

6. Tài sản ngắn hạn

| | | |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ký quỹ ngắn hạn | 29.000.000 | 29.000.000 |
| Tạm ứng nhân viên | 3.000.000 | 30.500.000 |
| Cộng | <u>32.000.000</u> | <u>59.500.000</u> |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa vật kiến trúc</u> | <u>Thiết bị quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số đầu năm | 375.690.971 | 4.205.813.830 | 4.581.504.801 |
| 2. Tăng trong năm | - | 10.454.545 | 10.454.545 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | - |
| 4. Số cuối năm | <u>375.690.971</u> | <u>4.216.268.375</u> | <u>4.591.959.346</u> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 1. Số đầu năm | 225.414.585 | 2.169.541.516 | 2.394.956.101 |
| 2. Tăng trong năm | 75.138.194 | 844.001.231 | 919.139.425 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | - |
| 4. Số cuối năm | <u>300.552.779</u> | <u>3.013.542.747</u> | <u>3.314.095.526</u> |
| III. Giá trị còn lại | | | - |
| 1. Số đầu năm | 150.276.386 | 2.036.272.314 | 2.186.548.700 |
| 2. Số cuối năm | <u>75.138.192</u> | <u>1.202.725.628</u> | <u>1.277.863.820</u> |

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng: không có

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp các khoản vay: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản vô hình**

| | Phần mềm máy tính |
|-----------------------------------|--------------------------|
| I. Nguyên giá | |
| 1. Số đầu năm | 2.248.441.182 |
| 2. Tăng trong năm | - |
| 3. Giảm trong năm | - |
| 4. Số cuối năm | 2.248.441.182 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | |
| 1. Số đầu năm | 1.163.255.410 |
| 2. Tăng trong năm | 452.354.904 |
| 3. Giảm trong năm | - |
| 4. Số cuối năm | 1.615.610.314 |
| III. Giá trị còn lại | |
| 1. Số đầu năm | 1.085.185.772 |
| 2. Số cuối năm | 632.830.868 |

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Kết chuyển vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|--------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|
| Chi phí trang trí nội thất | 163.384.263 | - | 163.384.263 | - |
| Chi phí khác | 39.512.954 | 23.000.000 | 33.781.657 | 28.731.297 |
| Cộng | 202.897.217 | 23.000.000 | 197.165.920 | 28.731.297 |

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung hàng năm | 117.979.867 | 89.136.732 |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm | 32.468.430 | 11.265.429 |
| Cộng | 270.448.297 | 220.402.161 |

11. Tài sản dài hạn khác

| | | |
|--|--------------------|--------------------|
| Ký quỹ ký cược dài hạn <i>Đặt cọc thuê Văn phòng - Công ty CP Ngoại Thương & PT Dầu tư TP HCM</i> | 256.492.800 | 256.492.800 |
| Cộng | 256.492.800 | 256.492.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Vay và nợ ngắn hạn**

| | Số đầu năm | Vay trong năm | Thanh toán nợ vay | Số cuối năm |
|----------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng (*) | - | 42.186.400.000 | 40.191.400.000 | 1.995.000.000 |
| Cộng | - | 42.186.400.000 | 40.191.400.000 | 1.995.000.000 |

(*) Tại ngày 29 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay thời hạn 3 ngày với Ngân hàng TMCP Phương Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1006/12/HDCC ngày 29 tháng 12 năm 2012 với số tiền vay là 1.960.000.000 VND và Hợp đồng tín dụng số 1007/12/HDCC ngày 29 tháng 12 năm 2012 với số tiền vay là 35.000.000 VND thời hạn 21 ngày. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm (năm 2011: 15,5%/năm). Công ty sử dụng Hợp đồng tiền gửi để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.1).

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------|-------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 4.223.699 | 4.223.699 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 19.689.804 | 372.261.999 | 368.957.669 | 22.994.134 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| <i>Thuế môn bài</i> | - | <i>3.000.000</i> | <i>3.000.000</i> | - |
| Cộng | 19.689.804 | 379.485.698 | 376.181.368 | 22.994.134 |

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

Hoạt động kinh doanh chứng khoán: Không chịu thuế

Hoạt động khác : 10%

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

14. Chi phí phải trả

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Trích trước chi phí GDCK | 14.437.380 | 12.594.338 |
| Trích trước chi phí điện nước | 20.767.925 | 19.500.000 |
| Trích trước chi phí kiểm toán | 27.000.000 | 21.000.000 |
| Trích trước chi phí khác | 17.963.115 | 16.314.219 |
| Cộng | 80.168.420 | 69.408.557 |

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.531.630.523 | 1.496.119.182 |
| <i>Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của NĐT</i> | <i>6.411.523</i> | <i>3.413.182</i> |
| <i>Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</i> | <i>3.525.219.000</i> | <i>1.492.706.000</i> |
| Phải trả khác | 11.251.000 | 17.357.875 |
| Cộng | 3.542.881.523 | 1.513.477.057 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế) | Cộng |
|---------------------|---------------------------|---|-----------------|
| Số dư đầu năm | 50.200.000.000 | (19.678.990.306) | 30.521.009.694 |
| Lợi nhuận trong năm | - | (2.186.299.308) | (2.186.299.308) |
| Số dư cuối năm | 50.200.000.000 | (21.865.289.614) | 28.334.710.386 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số dư 31/12/2012 | | | Số dư 01/01/2012 | | |
|------------------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------------|------------------|-----------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu thường | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu thường | Giá trị (VND) |
| Ông Trương Hải Hưng | - | - | - | 2,99 | 150.000 | 1.500.000.000 |
| Ông Dương Hoài Ân | - | - | - | 2,99 | 150.000 | 1.500.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Lan Anh | - | - | - | 14,94 | 750.000 | 7.500.000.000 |
| Công ty CP Chế tạo máy Dĩ An | - | - | - | 0,04 | 2.000 | 20.000.000 |
| Nguyễn Nhật Minh Triều | 6,94 | 348.400 | 3.484.000.000 | - | - | - |
| Ông Nguyễn Thành Tài | 15,34 | 770.000 | 7.700.000.000 | 9,96 | 500.000 | 5.000.000.000 |
| Bà Trần Thị Kim Thy | 13,96 | 700.800 | 7.008.000.000 | 9,96 | 500.000 | 5.000.000.000 |
| Ông Tong Chin Hen | 45,51 | 2.284.800 | 22.848.000.000 | 45,51 | 2.284.800 | 22.848.000.000 |
| Ông Ngục Chie Kieng | 3,49 | 175.000 | 1.750.000.000 | 3,49 | 175.000 | 1.750.000.000 |
| Ông Trần Kim Diệp | 0,60 | 30.000 | 300.000.000 | 0,60 | 30.000 | 300.000.000 |
| Ông Trần Duy Quang | 14,16 | 711.000 | 7.110.000.000 | 9,53 | 478.200 | 4.782.000.000 |
| Cộng | 100,00 | 5.020.000 | 50.200.000.000 | 100,00 | 5.020.000 | 50.200.000.000 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.020.000 | 5.020.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 5.020.000 | 5.020.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>5.020.000</i> | <i>5.020.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.020.000 | 5.020.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>5.020.000</i> | <i>5.020.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 1.270.234.716 | 685.435.969 |
| Doanh thu hợp tác đầu tư | - | 8.515.910 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | - | 81.818.182 |
| Doanh thu khác | 4.013.460.805 | 2.513.502.409 |
| <i>Doanh thu nhận tiền bán CK</i> | <i>558.472.161</i> | <i>317.209.811</i> |
| <i>Doanh thu quản lý danh mục ĐT</i> | <i>550.737.689</i> | <i>223.110.530</i> |
| <i>Doanh thu lãi tiền gửi NH</i> | <i>2.904.250.955</i> | <i>1.968.390.726</i> |
| <i>Doanh thu khác</i> | <i>-</i> | <i>4.791.342</i> |
| Cộng | <u>5.283.695.521</u> | <u>3.289.272.470</u> |

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

| | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán | 227.472.666 | 150.319.999 |
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | - | 129.817.924 |
| Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán | 43.373.407 | 42.226.401 |
| Chi phí cho thuê sử dụng tài sản | 40.000.000 | 65.500.003 |
| Chi phí khác | 1.788.987.897 | 1.704.193.778 |
| Chi phí tất toán tài khoản | 2.547.925 | - |
| Cộng | <u>2.102.381.895</u> | <u>2.092.058.105</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.171.735.447 | 2.461.404.624 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 28.819.307 | 51.629.080 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 20.512.499 | 29.902.541 |
| Chi phí khấu hao | 931.739.425 | 918.202.424 |
| Thuế, phí và lệ phí | 147.713.009 | 71.105.030 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.132.072.674 | 3.339.410.793 |
| Chi phí bằng tiền khác | 51.832.329 | 123.979.523 |
| Cộng | <u>5.484.424.690</u> | <u>6.995.634.015</u> |

4. Thu nhập khác

| | | |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 90.370.080 | 88.532.232 |
| Thu phạt thanh toán chậm | 23.924.403 | 10.171.404 |
| Thu nhập khác | 2.517.273 | 12.280.083 |
| Cộng | <u>116.811.756</u> | <u>110.983.719</u> |

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (2.186.299.308) | (5.690.981.850) |
| Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (2.186.299.308) | (5.690.981.850) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*) | 5.020.000 | 3.541.376 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>(436)</u> | <u>(1.607)</u> |

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | | |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 5.020.000 | 3.520.550 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | 20.826 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>5.020.000</u> | <u>3.541.376</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------|-------------|-------------|
| Lãi tiền gửi còn dự thu | 225.974.999 | 112.543.687 |

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|-------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong năm này | 112.543.687 | 150.965.973 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|-------------|-------------|
| Ban Tổng Giám đốc | | |
| Lương, thưởng | 998.034.127 | 960.772.294 |
| Cộng | 998.034.127 | 960.772.294 |

3. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng, Bộ phận kinh doanh nguồn vốn và Bộ phận khác. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng: Kinh doanh môi giới chứng khoán; lưu ký chứng khoán, ...
- Bộ phận-kinh doanh nguồn vốn: Kinh doanh thông qua vốn sẵn có để lấy lãi (gửi tiền ngân hàng), hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư,...
- Bộ phận khác: Cho thuê mặt bằng, hoạt động khác...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Bộ phận môi giới và dịch vụ | Bộ phận kinh doanh nguồn vốn | Bộ phận khác | Không phân bổ | Cộng |
|---------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 10.657.104 | 27.842.180.256 | - | - | 27.852.837.360 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 6.122.917.103 | 6.122.917.103 |
| Tổng tài sản | | | | | 33.975.754.463 |
| Nợ phải trả | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 5.641.044.077 | 5.641.044.077 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 5.641.044.077 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 3.406.066 | 26.235.865.902 | - | - | 26.239.271.968 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 5.900.387.554 | 5.900.387.554 |
| Tổng tài sản | | | | | 32.139.659.522 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Bộ phận môi giới và dịch vụ | Bộ phận kinh doanh nguồn vốn | Bộ phận khác | Không phân bổ | Cộng |
|--|--|---|---------------------|----------------------|------------------------|
| Nợ phải trả | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 1.618.649.828 | 1.618.649.828 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 1.618.649.828 |
| Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: | | | | | |
| | Bộ phận môi giới và dịch vụ | Bộ phận kinh doanh nguồn vốn | Bộ phận khác | Không phân bổ | Cộng |
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu về hoạt động kinh doanh | 1.820.972.405 | 3.462.723.116 | - | - | 5.283.695.521 |
| Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa bao gồm chi phí khấu hao) | (2.483.197.347) | (3.732.114.909) | - | - | (6.215.312.256) |
| Chi phí khấu hao | (472.671.697) | (898.822.632) | - | - | (1.371.494.329) |
| Lãi (lỗ) khác | - | - | 116.811.756 | - | 116.811.756 |
| Lợi nhuận (lỗ) trước thuế | (1.134.896.639) | (1.168.214.425) | 116.811.756 | - | (2.186.299.308) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận (lỗ) sau thuế | - | - | - | - | (2.186.299.308) |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu về hoạt động kinh doanh | 908.546.499 | 2.290.391.879 | 90.334.092 | - | 3.289.272.470 |
| Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa bao gồm chi phí khấu hao) | (2.526.538.174) | (5.109.140.683) | (99.307.829) | - | (7.734.986.686) |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Bộ phận môi giới và dịch vụ | Bộ phận kinh doanh nguồn vốn | Bộ phận khác | Không phân bổ | Cộng |
|---|--|---|---------------------|----------------------|------------------------|
| Chi phí khấu hao | (373.637.574) | (941.918.181) | (37.149.679) | - | (1.352.705.434) |
| Lãi (lỗ) khác | - | - | 107.437.800 | - | 107.437.800 |
| Lợi nhuận (lỗ) trước thuế | (1.991.629.249) | (3.760.666.985) | 61.314.384 | - | (5.690.981.850) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận (lỗ) sau thuế | - | - | - | - | - |
| Bộ phận theo khu vực địa lý | | | | | (5.690.981.850) |

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một khu vực địa lý là trụ sở đăng ký trên Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty (Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.954.716.526 | 18.338.771.738 |
| Phải thu khách hàng | 3.216.362.361 | 1.652.760.861 |
| Các khoản phải thu khác | 236.474.999 | 112.543.687 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 29.000.000 | 29.000.000 |
| Ký quỹ dài hạn | 256.492.800 | 256.492.800 |
| Cộng | <u>31.693.046.686</u> | <u>20.389.569.086</u> |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 1.995.000.000 | - |
| Chi phí phải trả | 80.168.420 | 69.408.557 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.531.630.523 | 1.496.119.182 |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | - | 16.074.410 |
| Các khoản phải trả khác | 11.251.000 | 17.357.875 |
| Cộng | <u>5.618.049.943</u> | <u>1.598.960.024</u> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mức tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------|
| Vay và nợ | 1.995.000.000 | - | - | 1.995.000.000 |
| Chi phí phải trả | 80.168.420 | - | - | 80.168.420 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.531.630.523 | - | - | 3.531.630.523 |
| Các khoản phải trả khác | 11.251.000 | - | - | 11.251.000 |
| Cộng | 5.618.049.943 | - | - | 5.618.049.943 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Số đầu năm**

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------|
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | 69.408.557 | - | - | 69.408.557 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.496.119.182 | - | - | 1.496.119.182 |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 16.074.410 | - | - | 16.074.410 |
| Các khoản phải trả khác | 17.357.875 | - | - | 17.357.875 |
| Cộng | 1.598.960.024 | - | - | 1.598.960.024 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.954.716.526 | - | - | 27.954.716.526 |
| Phải thu khách hàng | 3.216.362.361 | - | - | 3.216.362.361 |
| Các khoản phải thu khác | 236.474.999 | - | - | 236.474.999 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 29.000.000 | - | - | 29.000.000 |
| Ký quỹ dài hạn | - | 256.492.800 | - | 256.492.800 |
| Cộng | 31.436.553.886 | 256.492.800 | - | 31.693.046.686 |

Số đầu năm

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.338.771.738 | - | - | 18.338.771.738 |
| Phải thu khách hàng | 1.652.760.861 | - | - | 1.652.760.861 |
| Các khoản phải thu khác | 112.543.687 | - | - | 112.543.687 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 29.000.000 | - | - | 29.000.000 |
| Ký quỹ dài hạn | - | 256.492.800 | - | 256.492.800 |
| Cộng | 20.133.076.286 | 256.492.800 | - | 20.389.569.086 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2013





NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc



LÊ THỊ HƯƠNG
Kế toán trưởng